

Số: 1854/QĐ-UBND

Than Uyên, ngày 13 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Chính trang đô thị khu 10, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, huyện Than Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Chính trang đô thị khu 10, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 66, Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Chính trang đô thị khu 10, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 04 dự án huyện Tam Đường và 08 dự án trên địa bàn huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND huyện Than Uyên về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công

cộng xây dựng công trình: Chinh trang đô thị khu 10, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Xét kết quả thẩm định phê duyệt số 144/KQTĐ-TCKH ngày 13/8/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về KPBT, hỗ trợ cây cối hoa màu trên đất thòi GPMB xây dựng công trình: Chinh trang đô thị khu 10, thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Than Uyên tại Tờ trình số 54/TTr-TNMT ngày 13/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Chinh trang đô thị khu 10, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cụ thể như sau:

1.1. Tổng kinh phí là:

137.258.075 đồng.

Trong đó:

- | | |
|---|-----------------|
| - Bồi thường trực tiếp về đất: | 19.109.300 đồng |
| - Bồi thường trực tiếp cây trồng, vật nuôi: | 6.294.000 đồng |
| - Hỗ trợ: | 57.327.900 đồng |
| - Chi phí tổ chức thực hiện căn cứ kết quả thẩm định số: 142/KQTĐ-TCKH ngày 06/8/2018 của phòng Tài chính-kế hoạch: | 54.526.875 đồng |

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

1.2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí: Nguồn vốn sử dụng đất năm 2017 và nguồn khác.
- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Than Uyên, Chủ tịch UBND Thị trấn Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Như Điều 2;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TNMT, Thanh tra huyện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Thế Mẫn

NG TÔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ GMB XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:
 CHINH TRANG ĐÔ THỊ KHU 10 THỊ TRẤN THAN UYÊN HUYỆN THAN UYÊN
 (Đính kèm Quyết định số: 1854/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND huyện Than Uyên)

| Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường | Địa chỉ | ĐVT | Số lượng | Đơn vị (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---------------|-----|----------|---------------|--------------------|
| Tổng mức bồi thường | | | | | 137.258.075 |
| Chi trả cho chủ sở hữu tài sản | | | | | 82.731.200 |
| Đất | | | | | 19.109.300 |
| Cây trồng vật nuôi trên đất | | | | | 6.294.000 |
| Hỗ trợ | | | | | 57.327.900 |
| Chi phí tổ chức thực hiện căn cứ kết quả thẩm định số: 142/KQTĐ-TCKH ngày 06/8/2018 của phòng Tài chính-kế hoạch: | | | | | 54.526.875 |
| Chi tiết bồi thường cho chủ sở hữu | | | | | |
| Nguyễn Thanh Dự | Khu 10 | | | | 43.162.000 |
| Đất | | | | | 10.675.000 |
| Đất rừng sản xuất VT1 | | m2 | 1.525,0 | 7.000 | 10.675.000 |
| Cây trồng vật nuôi | | | | | 462.000 |
| Cây lấy gỗ thông ĐK 10-25cm | | cây | 11,0 | 42.000 | 462.000 |
| Hỗ trợ | | | | | 32.025.000 |
| Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất rừng sản xuất (Đg=7.000x3) | | m2 | 1.525,0 | 21.000 | 32.025.000 |
| Đỗ Thị Nghi | Khu 10 | | | | 3.939.600 |
| Đất | | | | | 984.900 |
| Đất rừng sản xuất VT1 | | m2 | 140,7 | 7.000 | 984.900 |
| Hỗ trợ | | | | | 2.954.700 |
| Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất rừng sản xuất (Đg=7.000x3) | | m2 | 140,7 | 21.000 | 2.954.700 |
| Phan Thị Hiền | Khu 10 | | | | 32.857.600 |
| Đất | | | | | 7.449.400 |
| Đất rừng sản xuất VT1 | | m2 | 1.064,2 | 7.000 | 7.449.400 |
| Cây trồng vật nuôi | | | | | 3.060.000 |
| Cây lấy gỗ thông trồng 1-2 năm | | cây | 223,0 | 12.000 | 2.676.000 |
| Cây lấy gỗ thông ĐK 10-25cm | | cây | 7,0 | 42.000 | 294.000 |
| Cây chè giống khác năm thứ 3 | | m2 | 10,0 | 9.000 | 90.000 |
| Hỗ trợ | | | | | 22.348.200 |
| Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất rừng sản xuất (Đg=7.000x3) | | m2 | 1.064,2 | 21.000 | 22.348.200 |
| UBND thị trấn Than Uyên | | | | | 2.772.000 |
| Cây trồng vật nuôi | | | | | 2.772.000 |
| Cây lấy gỗ thông ĐK 10-25cm | | cây | 66,0 | 42.000 | 2.772.000 |

Cán bộ thẩm định


 Kiều T. Uyên